

Bài 135. Kinh Tăng Chi | Chương Năm pháp | Phẩm Diệu Pháp | Sư Giác Nguyên giảng 29/10/2018

Hôm nay chúng ta học Kinh 151. Tựa đề là “Quyết định tánh về Diệu Pháp”, theo Ngài Minh Châu.

Ở đây xin bà con lưu ý có một vấn đề như thế này: “Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu Pháp không thể nhập vào Quyết định tánh, Chánh tánh trong các thiện pháp.”

Nguyên một đoạn: “Nhập vào Quyết định tánh, Chánh tánh trong các thiện pháp”, nghĩa là khả năng chứng Đạo. Có năm lý do khiến mình không thể chứng Đạo:

Một và hai: coi thường bài kinh, pháp thoại, người thuyết giảng.

Ba: tự ti mặc cảm.

Bốn: tâm không tập trung.

Năm: chỉ nghe chứ không dùng trí tuệ để suy tư.

1. Coi thường bài kinh, bài pháp thoại, khinh lời thuyết giảng là sao?

Là nghĩ rằng: “Ôi, cái này cũng có gì đâu để bận tâm.” Ví dụ như nghe giảng về giới, bố thí, pháp tri ân, nhẫn nại... tưởng cái gì cao siêu, chứ mấy cái này nghe hoài, có gì đâu mà hay.

Hay khi nghe cách thuyết giảng không được trơn tru, mạch lạc, trôi chảy, trau chuốt, thì nghĩ ngôn ngữ trực trặc như vậy thì có gì để mà nghe.

2. Coi thường người thuyết giảng

Nghĩ rằng người này không đáng để nghe. Hiểu biết của mình hơn người này. Hoặc người này giảng như vậy nhưng bản thân có được như họ nói hay không? Người này được đào tạo, ăn học ở đâu, lấy tư cách gì mà giảng cái này?

Các kiểu suy nghĩ coi khinh, coi nhẹ người thuyết giảng như vậy thì không thể đi xa, đi sâu trong việc nghe Pháp.

3. Mặc cảm tự ti

Tự nghĩ mình là người sơ cơ, không biết gì, mới vô nghe giảng về tâm, tâm sở, duyên khởi, Bốn Niệm Xứ... Thay vì lắng tâm nghe người ta nói cái gì, thì tự mình mặc cảm tự ti, cho mình là người sơ cơ, nghe chắc không hiểu nổi đâu. Như vậy không thể đi xa, đi sâu trong việc nghe Pháp.

4. Nghe Pháp bằng tâm không tập trung

Ngồi nghe Pháp mà cái phone cứ ting ting, bận trả lời phone, tin nhắn, messenger. Ngồi nghe mà lo ra, nghĩ nhớ đến chuyện nhà, ngó mông lung ra đường, nhìn quanh hội chúng coi ai ăn mặc làm sao, ai trẻ, đẹp, xấu, nam nhiều hay nữ nhiều. Nói chung là mất tập trung khi nghe Pháp thì khó lòng có được lợi ích trong Pháp thoại.

5. Nghe để mà nghe, chứ không bỏ tâm ra mà suy tư

Tùy thuộc vào phước duyên giải thoát, parami của mình đời trước là một phần, một phần là môi trường sinh trưởng, trình độ kiến thức, tâm thức. Nói chung là tiền nghiệp và hiện duyên, điều kiện hiện tại, khiến cho mỗi người chúng ta quan tâm cái gì, coi trọng hay coi nhẹ cái gì.

Chuyện gì không nằm trong luồng tâm thức, thao thức, nhu cầu thường trực của mình, thì mình không hứng thú trong việc bỏ ra công sức, thời gian để suy gẫm, nghiền ngẫm.

Tóm lại là mơ hồ về Bốn Diệu Đế thì không thể làm Phật tử, hành giả. Rất quan trọng.

Bốn Sự Thật rất là quan trọng.

Một, Khổ: bản thân sự hiện hữu của mình là khổ. Cảnh giới mình đang có mặt, bản thân cục thịt mấy chục ký này, tất cả thiện ác buồn vui của mình, môi trường sống mình đang có mặt, tất cả đều là khổ. Những gì liên hệ trực tiếp, gián tiếp đến sáu căn, sáu trần đều là khổ.

Chuyện đầu tiên phải nhớ như vậy. Mình có trẻ, đẹp, giàu, học thức, quyền lực như thế nào đi nữa thì sự có mặt của mình đều là khổ.

Hai, vì tất cả là khổ nên mình đam mê, thích thú gì thì đều là trong cái khổ. Đó là Tập Đế. Tập Đế là niềm đam mê trong Khổ Đế.

Ba, muốn hết khổ thì đừng tiếp tục thích trong khổ nữa.

Bốn, tiếp tục sống trong ba nhận thức này là đang có mặt trên hành trình thoát khổ. Người không có ba nhận thức trên thì không thể thoát khổ.

Chính vì mình có nhận thức căn bản như vậy về Bốn Đế, nên chịu bỏ thời gian ra quan tâm đến Giáo Pháp, lời Phật dạy, các vấn đề đề cập trong kinh điển. Còn nếu parami mình nó kém quá hay hiện duyên không có đủ, mình xui rủi sinh trưởng trong một điều kiện, môi trường thiếu sự khích lệ, thì đó cũng là một điều kiện khiến cho mình không thiết tha trong Phật Pháp, không có hứng thú nghiên ngẫm, suy gẫm.

Vậy thì tổng cộng có năm điều kiện như đã nêu trên để một người thu hoạch được lợi ích khi lắng nghe Diệu Pháp, nghiên cứu kinh điển bằng mắt hoặc tai.

Trường hợp quá đặc biệt, người quá tệ mà mình không cách nào tôn trọng, không muốn nhìn, không muốn nghe người ấy giảng Pháp thì thôi, đứng dậy ra về. Chứ đa phần thì không vị nào tệ đến mức như vậy.

Ví dụ mình đi chùa vào thời điểm người ta thuyết Pháp, mình tự xét nếu đi về hoặc ở lại thì được gì, mất gì. Nếu về thì chạy xe trên đường về nhà, vô bếp, ra vườn làm việc này kia. Thôi ráng ngồi nghe được thêm cái này, cái kia.

Nhiều khi vị giảng sư không có gì khả kính hết, nhưng cái suy nghĩ, phát kiến, ý tưởng của họ đôi khi là những gợi ý lớn cho chúng ta về một vấn đề nào đó. Họ đang giảng về bố thí, nhưng lời giảng, ý tưởng lại gợi ý cho chúng ta về vấn đề trì giới, tu tập, kham nhẫn, thiền định, chánh niệm, trí tuệ.

Ngay cả Ngài Sāriputta là tướng quân Chánh Pháp, đệ nhất trí tuệ Thanh Văn, là huynh trưởng của tất cả các vị Thanh Văn, Tăng Đoàn, nhưng Ngài vẫn sẵn sàng ngồi xuống nghe một vị sa-di đệ tử Ngài thuyết Pháp, nghe với tất cả sự nghiêm túc, chân thành.

Cho nên chúng ta không có lý do gì coi thường một pháp thoại, một bài kinh, người thuyết giảng. Nếu không ưa thì đứng dậy ra về, đừng ngồi đó trong tâm trạng khinh rẻ thì không nên.

Thứ ba, chúng ta không nên nghe Pháp mà thiếu tập trung, hoặc nghe bằng mặc cảm tự ti. Cuối cùng, nghe Pháp, xem kinh mà thiếu khả năng suy tư, nghiền ngẫm, thì không thu hoạch, gặt hái được lợi ích gì.

Đây là năm điều kiện xuôi và ngược để cho một người không nhận được, hoặc nhận được lợi ích trong việc nghe và đọc kinh điển.

Kinh 152 cũng giống y như vậy, với những thay đổi nho nhỏ. Cũng là năm lý do khiến cho một người không thu hoạch lợi lạc khi nghe Pháp, xem kinh:

Một, coi thường lời thuyết giảng, pháp thoại, bài kinh.

Hai, coi thường người thuyết giảng.

Ba, mặc cảm tự ti.

Bốn, thiếu trí tuệ.

Năm, không chú ý, không lưu tâm coi cái gì là chánh, phụ, cái gì mình cần tìm hiểu thêm.

Kinh Phật giống như đại dương, như rừng, như núi. Nghĩa là ở mỗi lứa tuổi, trình độ, cá nhân, hoàn cảnh, thời điểm, điều kiện, chúng ta có những nhận thức, hiểu biết khác nhau về rừng, biển.

Kể chuyện người Nga có phi thuyền Sputnik năm 1957. Mỹ có Apollo 11 năm 1969. Hiện nay người ta đang tìm hiểu sao Hỏa, sao Kim...

Các rãnh sâu nhất thế giới, vỏ địa cầu, các vấn đề liên quan, chúng ta biết chưa nhiều. Chung quanh ta có bao nhiêu thứ mà chúng ta cứ ngỡ là biết rồi, nhưng thật ra biết không bao nhiêu. Nên trong bài kinh này, Ngài dạy rằng chúng ta phải lưu tâm tìm hiểu những vấn đề mà mình còn thiếu sót, chưa hiểu tới nơi tới chốn.

Chúng ta đã học qua Tương Ưng, Trường Bộ rồi. Bây giờ đang học Tăng Chi. Bằng mọi giá chúng ta phải cùng nhau tham khảo một phần của Tiểu Bộ Kinh, là Đại Xiển Minh, Tiểu Xiển Minh và Vô Ngại Giải Đạo. Thêm hai bộ Chú giải của bộ Pháp Tụ và của bộ Phân Tích Vibhanga, Abhidhamma.

Tức là chúng ta có năm bộ kinh mà vào đó thì mới hết hồn. Thì ra trước giờ nghe Kinh Tạng thì mình chỉ đọc lai rai mấy cuốn tiếng Việt của các bậc tôn túc như ngài Hộ Tông, ngài Bửu Chơn, ngài Giới Nghiêm... Còn khi đi vào thế giới Kinh Tạng thì lại thấy Kinh Tạng Phật giáo là bao la. Mới có Tương Ưng, Trường Bộ, Trung Bộ, Tăng Chi là chưa đâu. Phải đi vào thế giới Tiểu Bộ mới thấy khiếp.

Có một chuyện không thể ngờ: là Tạng Luật có tới một tỷ vấn đề giáo pháp, giáo lý. Mình cứ nghĩ mình là cư sĩ, tìm hiểu Tạng Luật của Tăng Ni làm gì? Thật ra trong Tạng Luật có biết bao nhiêu vấn đề giáo lý nằm trong đó.

Tạng Abhidhamma thì khỏi nói rồi, học một đời cũng không hết. Tạng Kinh thì trong sáu bộ tôi giới thiệu, ba bộ Đại Xiển Minh, Tiểu Xiển Minh, Vô Ngại Giải Đạo thuộc về Kinh, và ba bộ Chú giải Pháp Tụ, Chú giải Vibhanga và Chú giải Kathavatthu thuộc Abhidhamma, chưa kể Thanh Tịnh Đạo.

Sáu cuốn này mà nếu Việt Nam đủ túc duyên, duyên lành, có một lớp hướng dẫn cho Phật tử, chứ còn chư Tăng cao siêu quá tôi không dám rở tới. Phật tử Việt Nam mà học tới năm bộ này, mình mới thấy kiến thức của mình về Phật pháp còn quá nhiều lỗ hổng cần phải bổ khuyết.

Cho nên muốn lợi lạc trong việc nghe pháp, xem kinh, có một điều rất quan trọng là phải biết lưu tâm, chú ý đến những điều mà mình chưa từng biết. Phải như vậy, chứ đừng bị cái bệnh mới học ba mớ mà nghĩ mình đã gom thu vũ trụ vào tay là sai.

Lời Phật sâu lắm quý vị. Một vị pháp sư Tam Tạng hiểu bài kinh đó theo kiểu khác. Vị một tạng hiểu bài kinh kiểu khác. Người không biết, có biết Abhidhamma sâu, cạn, rộng, hẹp; trí chậm, trí nhanh; trí sâu, trí cạn; người thiếu hoặc có kiến thức bách khoa, hiểu bài kinh một ngàn lẻ một kiểu khác nhau về từng bài kinh. Chứ đừng nghĩ tưởng: “Kinh đó tôi nghe rồi.”

Bà con phải để ý. Chỉ riêng cái vụ mình tưởng mình biết rồi, ví dụ Tam Quy, Ngũ Giới, bố thí, mười thiện, nghe pháp, trì giới, hồi hướng... mình cứ tưởng biết rồi, nhưng thật ra có một ngàn lẻ một câu chuyện lòng vòng xung quanh đó. Học tới chết cũng chưa hết.

Nếu đơn giản như mình tưởng thì làm sao có Đệ nhất Đa văn là ngài Ānanda, vì nghe một lần đủ rồi. Nếu nghe qua ai cũng hiểu giống nhau thì làm gì có Đệ nhất Trí tuệ là ngài Sāriputta. Làm sao có sự khác nhau giữa các vị đại Thanh văn tu hành một trăm ngàn đại kiếp và những vị Thanh văn thường tu ít hơn một trăm ngàn đại kiếp?

Dựa vào đâu mà tôi nói điều này? Trong bộ Vô Ngại Giải, mục Nanakatha, có nói rất rõ: tùy vào phước duyên pāramī của mình mà mình có nhận thức sâu cạn, rộng hẹp khác nhau về một vấn đề giáo lý.

Đó là nói về tâm thức. Còn nói về thể lý, tùy vào thể trạng, cơ địa mỗi người mà cơ thể chúng ta hợp, kỵ, thích, ghét với cái gì. Tâm lý cũng vậy. Tùy vào cái pāramī của mình mà mình hợp với cái gì. Mình thích lắng tâm, lắng lòng, lắng tai về vấn đề nào.

Ngoài cái mình thấy hợp, thích, thì còn bao nhiêu điều chúng ta không màng, không biết tới. Nghĩ tới đó mới hết hồn.

Chỉ riêng khoản cơ địa sinh học, thì chúng ta chỉ có thể tiếp nhận được một số thứ, không như mọi người. Một số người đau bao tử thì không ăn chua được. Một số người miễn nhiễm với một số chất độc. Nó lạ như vậy. Một số người hút thuốc, uống rượu mà vẫn sống tới chín mươi tuổi; có những người sống lành mạnh mà ba mươi tuổi, bốn mươi tuổi vẫn chết.

Là về sinh học, nói chi là về tâm lý tinh thần. Tùy vào phước duyên, thể trạng tâm lý của mình mà chúng ta có khả năng, nhu cầu tiếp nhận được giáo pháp, giáo lý tới đâu. Nên mình thường xuyên để ý, xem kinh, nghe pháp. Mình nhớ rằng mình có một ngàn lẻ một chỗ cần phải điền khuyết, bổ sung.

Tiếp theo mình học qua kinh 153.

Cũng giống như vậy, cũng nói về nghe pháp với tâm chê bai, lòng bắt lỗi, tìm lỗi, coi ông này nói đủ sâu rộng chưa, có chỗ nào trật không đăng mình lên Facebook chửi. Nghe pháp mà không tập trung, thiếu trí tuệ, không lưu tâm tìm hiểu vấn đề mình cần tìm hiểu thêm. Cũng giống giống như hai bài kinh trước vừa giảng.

Kinh 154

Có năm lý do dẫn đến chuyện saddhammasammosa, mất pháp, làm cho giáo pháp, những lời Phật dạy không còn được biết đến ở đời nữa. Không có nghĩa là những lời Phật dạy không còn đúng nữa. Giống như những định lý, nguyên tắc khoa học, luôn có và luôn đúng, nhưng có những thời người ta không biết đến thì không áp dụng được, không được lợi lạc từ đó; còn nếu biết đến thì sống trong nền văn minh, được lợi lạc từ đó.

Những lục địa bị chìm xuống biển mang theo những vết tích của các nền văn minh như Atlantic. Một nền văn minh khác lại tái hiện trên tân lục địa, rồi lại bị xóa sổ vì

một lý do nào đó, đi vào một chu kỳ khác.

Phật pháp cũng vậy. Khi chư Phật, chư hiền Thánh ra đời thì các Ngài mới đem những công thức, nguyên tắc về Chánh pháp, sự thật thiên thu của vũ trụ, lẽ đời để dạy cho chúng sinh nghe biết.

Đây là con đường dẫn đến sa đọa; các cõi nhân thiên; giải thoát. Khi các Ngài không còn nữa, lời dạy đó lưu truyền ít lâu, do chu kỳ tiến thoái của chúng sinh, vũ trụ mà có lúc người ta không còn biết đến Chánh pháp nữa. Chỉ vậy thôi.

Ở đây, mạt pháp nên hiểu là thời điểm lời dạy của chư Phật không còn được biết đến nữa, chứ còn giá trị và bản chất của lời dạy ấy thì vẫn là thiên thu vĩnh cửu, giống như những công thức, định lý khoa học. Sau đây là những lý do khiến giáo pháp mai một, chìm sâu vào quên lãng.

Một, người nghe pháp không có tôn kính khi nghe pháp. Không cẩn trọng ghi nhớ, học thuộc lòng; nghe, ghi nhớ cách hời hợt, thờ ơ. Học ba chớp ba nháng, thiếu câu này, sai câu kia. Nhận thức về pháp không cẩn trọng, không quan sát ý nghĩa của những gì mình được nghe. Cuối cùng là không hành trì giáo pháp.

Nghe, học, nhớ, tìm hiểu, suy tư, hành trì không nghiêm túc, không đúng mức. Nghe pháp với tâm bất kính, lật bài kinh.

Lâu lâu rảnh rảnh, mất ngủ thì rút cuốn kinh đọc sơ qua rồi úp sách lại ngủ, cũng không chịu ghi nhớ cách nghiêm túc. Thấy cũng hay hay, nhưng thay vì ghi nhớ đàng hoàng thì nhớ, nghe, đọc ba chớp ba nháng.

Trong kinh không nói “đọc”, vì thời xưa kinh chưa viết thành chữ, nên kinh chỉ nói đến việc nghe. Tôi nói thêm việc đọc vì bây giờ kinh đã được viết ra. Xưa học bằng tai, giờ thêm cái học bằng mắt nữa. Là nói về nghe, học pháp, xem kinh, ghi nhớ, suy tư, hành trì không nghiêm túc. Tức là cứ tiện đâu làm đó, cứ thấy vị nào hướng dẫn hay hay là đi theo.

Chỉ nên răm rắp đi theo lời Phật. Tất cả những hướng dẫn, kinh nghiệm của các vị thiền sư đều là những kinh nghiệm cá nhân, nên chúng ta học, nghe và suy xét.

Trong 2600 năm qua, các vị tôn túc hoằng pháp truyền đạo nếu cứ làm lơ kinh gốc, lời dạy gốc, nguyên thủy của Đức Phật, mà cứ bỏ vào trong đó những cái riêng tư cá nhân của các tổ, thì đạo Phật còn nước non nào nữa.

Trong Hán tạng, Đại tạng kinh chữ Hán, là tập kinh đại thành, tổng hợp các quan điểm giáo lý của các bộ phái Phật giáo, chứ không phải từ một nguồn như kinh điển Pali. Sau khi Đức Phật tịch rồi, khoảng 100 năm là bắt đầu có sự chia rẽ trong Tăng-già. Nghiêm trọng nhất là 250 năm sau khi Đức Phật Parinibbāna, vào triều vua Asoka, A Dục. Phật giáo lúc đó chia phe rẽ phái trên 20 nhóm.

Trong 20 nhánh ấy, mỗi nhánh có nhiều vị tôn túc uyên thâm kinh điển, kiến thức bách khoa trùng trùng. Các vị ấy đã sáng tác, biên soạn, ghi chép kinh điển theo hướng riêng của mình. Từ đó mới có dòng giáo lý mang tính bộ phái. Mang danh Phật giáo nhưng dấu ấn cá nhân rất sâu đậm.

Từ đó mới ra các tông phái. Từ các kinh điển Ấn Độ mới nảy ra các tông bên Tàu, Nhật như Nhật Liên tông, Pháp Hoa tông... Tất cả những kinh sách, trước tác, biên soạn trong thời buổi giáo pháp phân phái ấy được các dịch giả mang về Trung Quốc, và tùy theo sở thích cá nhân cộng với nhu cầu Phật giáo địa phương mà kinh nào được chọn dịch sang chữ Hán. Trong Hán tạng ấy có nhiều quan điểm vừa dị biệt, vừa đối lập tương phản với Phật giáo cách đáng ngại.

Ví dụ như phần luật: luật Ma-ha Tăng-kỳ, Tứ phần luật giảng. Ngay cả tạng luật Tỳ-kheo Tăng, chưa nói Ni, trong Hán tạng có luật từ bên Nhất Thiết Hữu Bộ, có một phần là luật của..., một phần của..., một phần của luật Theravada, một phần là của Kinh Lượng Bộ. Nguyên tạng luật bên Hán tạng là luật đại thành của nhiều bộ luật trong các bộ phái Phật giáo hậu thời tổng hợp lại. Chỉ riêng luật thôi đó.

Nên trong kỷ yếu của ngài Tịnh Sự, vị sư trưởng có nói một câu nhắc lại thời xưa khi ngài còn là vị giáo thọ bên Bắc tông:

“Một hạ nọ Tứ phần luật giảng,
Thấy sai lầm tương phản luật kinh,
Riêng than sâu muộn một mình,
Biết đâu là thật sách kinh Phật truyền.”

Mà hôm nay chúng ta lại không bỏ công ra tìm hiểu.

Nếu quý vị có vợ chồng con cái, đi lẫn lóc ngoài chợ đời kiếm miếng cơm manh áo thì thôi, lâu lâu xẹt vô chùa nghe ba mớ bỏ túi. Còn nếu quý vị có lòng truy nguyên giáo pháp nguồn cội nguyên thủy thì nói thiệt lòng, cư sĩ đừng có mơ, vì khó có điều kiện để bà con tiếp cận với những nguồn tham cứu cấp một, cấp hai.

Cấp một nghĩa là phải quay lại với Tam tạng Pali. Cấp hai là các kinh luận còn bản Sanskrit, Prakrit, Hybrid Sanskrit là tiếng Sanskrit pha lai, giai đoạn này ngôn ngữ bác học pha với ngôn ngữ dân gian, hay các phương ngữ Ấn Độ mà ngày nay người ta vẫn còn sưu lục được.

Nguồn tham cứu cấp ba là các kinh luận rải rác trong các ngôn ngữ ngoài Ấn Độ như tiếng Tây Tạng, Khiết Đan, Triều Tiên, Tây Hạ, Mông Cổ, Hán, Nhật.

Cấp một thì phải là kinh điển Pali. Lý do rất khách quan là nguồn này nhất quán, có tuổi đời lâu nhất. Chứ chúng tôi cũng không dám nói đó là nguyên thủy. Sẽ có lúc chúng ta bàn sâu về vấn đề này.

Những kinh điển được viết bằng phương ngữ Ấn Độ vẫn đáng được xem là tài liệu cấp hai. Ngày nay chúng ta có nguồn cấp bốn là internet, đủ thứ tiếng Âu Mỹ trong đó, như tiếng Nhật, Đức.

Mà tôi cho rằng nên học tiếng Đức, vì số lượng chữ Tăng, Phật tử không nhiều lắm, nhưng lượng học giả và tài liệu tham khảo Phật pháp từ tiếng Pali, thiên học

Vipassana, về giáo lý như Tam tạng thì số lượng tài liệu tiếng Đức rất lớn. Và những học giả người Đức rất đáng để chúng ta lưu ý. Đặc biệt, trên thế giới này có nhiều dân tộc, nền văn minh, nhưng người Đức rất có duyên với Phật giáo và họ có những nghiên cứu rất cẩn trọng, nghiêm túc. Về khoản này tôi xếp người Đức trên người Nhật và Tàu.

Về năm điều kiện làm cho Phật pháp biến mất ở đời như đã nói trên, bà con lưu ý xem ngày hôm nay mình có góp phần làm cho Phật pháp bị tiêu vong hay không. Tự mỗi người xem xét. Mỗi ngày người Phật tử nên tự hỏi lòng mình: hình như ta đang góp phần làm biến mất giáo pháp bằng cách nghe, nhớ, suy tư, hành trì không cẩn thận. Hình như ta đang từng bước góp phần làm cho Chánh pháp biến mất ở đời.

Cứ mỗi hạt gạo, giọt dầu các vị cúng dường cho chùa chiền, Tăng Ni tu học là mình tiếp thêm một giọt nước biển để nuôi dưỡng huệ mạng đang hấp hối của giáo pháp.

Mỗi lần mình hiểu sai, nhớ lộn, nhớ bậy, tào lao vấn đề giáo lý là mình đang góp phần bóp nghẹt Chánh pháp. Cứ nhớ như vậy.

Cái nguy hiểm và bi kịch của Phật pháp mình bây giờ đang từng bước lộ rõ. Nơi chốn, cá nhân nào có điều kiện nói năng tiếp xúc quần chúng thì lại không lưu tâm đến vấn đề Phật pháp. Những nơi, cá nhân không có điều kiện thì lại là nơi có tiếng nói trung thực của Phật pháp. Những đạo tràng lòng lẫy nổi tiếng ở Việt Nam lại không phải là tốt cho Phật tử nghiên cứu giáo lý.

Tốt về mặt nào thì tôi không nói, nhưng về nghiên cứu giáo lý, hoằng hóa kinh điển thì là không tốt. Từ Bắc, Trung, Nam Việt Nam, chùa nào nổi tiếng đông rần rần, đại gia lũ lượt chen nhau đến cúng dường thì đến 99,9% hoạt động không chính thống về giáo lý mà thiên về hoạt động thương mại. Đây là một điều đáng buồn.

Chính vì kiếm chỗ nổi tiếng mà đến, không quan tâm mình nghe, học, hiểu, hành trì được gì, chính vì kiểu đến với đạo như vậy, góp phần đẩy Phật pháp đi vào bóng đêm

của lịch sử biến dâu. Mình phải nhìn nhận như vậy, chứ đừng nghĩ: tôi đâu có đốt chùa, đập tượng, xé kinh mà nói tôi phá đạo.

Xin thưa, có nhiều kiểu phá. Gieo tiếng xấu cho đạo, hiểu sai, hành sai, giảng sai, góp phần đẩy Phật giáo vào bóng đêm của lịch sử. Rất quan trọng.

Kinh 155 cũng nội dung tương tự.

Ở đây là: một, bốn chúng không chịu, không quan tâm học giáo lý. Hai.

Giáo lý, những gì không được học thì không được thuyết giảng rộng rãi, đầy đủ như tôi vừa nói.

3. Tứ chúng không tạo điều kiện cho người ta nói, thuyết pháp, cho việc hướng dẫn giáo lý.

4. Kinh điển không được tụng đọc, là trùng thuật.

Ai từng tiếp xúc với chư Tăng Myanmar thì sẽ thấy khoản này Việt Nam không có. Tụng đọc, ví dụ như thầy... ở bên Houston, ngài đi ngủ sớm, tầm 2 giờ sáng, ngài ở apartment, ngài dậy đọc bộ Patthana: “Hetu paccayo...” Cứ đọc nhân duyên, cảnh duyên, trường duyên... là gì, ngài cứ đọc suốt như vậy. Có những vị thì họ đọc Tạng Luật, đọc tới đọc lui.

Thay vì tụng kinh cầu cho quốc thái dân an, nhân loại thái bình, xin oai lực Tam Bảo, chư thiên hộ trì... thì các vị tụng đọc như vậy. Mình nên xét nội dung bài kinh mình đọc mỗi ngày có nội dung tu học hay không. Những nội dung bài kinh mang tính cầu khẩn, van xin thì ông sư như tôi đọc thấy hơi xấu hổ. Như là sự tấn tài, tấn hóa, phát tài, phát lộc, nhan sắc, sống lâu...

Những bài kinh mang nội dung tu học như Chuyển Pháp Luân, Tứ Niệm Xứ, Kinh Từ Bi thì hiếm. Kinh Từ Bi đọc để trừ tà thì nhiều, chứ còn Phật tử không được

hướng dẫn pháp tu rải từ tâm. Thay vì dạy ý nghĩa trừ tà trong kinh ấy thì tại sao không dạy họ quán tưởng từ tâm?

Chưa nói đến Tứ Niệm Xứ, có bao nhiêu Phật tử Việt Nam biết tu tập bốn từ tâm? Muốn rải từ tâm thì phải làm sao? Có 10 hướng: 4 hướng chính, 4 hướng phụ và 2 hướng trên, dưới. 7 đối tượng và 4 câu nguyện, như nguyện cho tất cả đừng oan trái lẫn nhau. 4 câu nguyện nhân 10 hướng nhân 7 hạng người. Niệm như vậy và rải tâm từ mới đắc định. Có bao nhiêu Phật tử Việt Nam được hướng dẫn cái này?

Đây chính là điều khiến Phật pháp biến mất. Theo tôi, Phật tử phải học thuộc lòng kinh Chuyển Pháp Luân. Thuộc lòng có 2 cách: nguyên văn không thiếu dấu phẩy, nội dung ngắn gọn của Kinh Từ Tâm, nội dung ngắn gọn của phép quán tưởng... Đó là nội dung Phật tử bắt buộc phải học thuộc lòng nếu muốn thờ Phật trên đầu, trong tim. Nếu có Phật trong đầu, trong tim thì dứt khoát anh phải biết rất là căn bản về những nội dung ấy. Nếu không như vậy thì mặc nhiên chúng ta đang từng ngày góp phần vào việc đẩy Phật giáo vào bóng đêm của lịch sử, là mạt pháp.

1. Bốn chúng không trau dồi kiến thức giáo lý.
2. Giáo lý không được thuyết giảng một cách rộng rãi.
3. Bốn chúng không tạo điều kiện để dạy, giảng.
4. Bốn chúng không tụng đọc, trùng thuật thường xuyên.
5. Bốn chúng không được suy tư, nghiền ngẫm tới nơi tới chốn.

Là không tùy tâm, không tùy tứ, với ý không tùy quán pháp như đã được nghe, như đã học thuộc lòng.

Như vậy tổng cộng có 5 lý do, điều kiện đẩy Phật pháp tới chỗ bị mạt, và ngược lại sẽ là 5 điều kiện giúp Phật pháp trường tồn ở đời.

Một loạt kinh này có nội dung tương tự, nói những lý do khiến cho mật pháp, giáo pháp không được biết đến ở đời. Có 2 cách để cho mình nhớ:

1. Mình thấy thích, thú vị thì nhớ.

2. Thấy sợ mà nhớ.

Một loạt kinh giảng ngày hôm nay làm cho ta thấy oái. Chính vì oái mà nhớ, lo tu học.

1. Vị tỳ-kheo học thuộc lòng cách sai lạc về chữ, nghĩa. Văn cú sai lầm, ý nghĩa sai lạc.

2. Thái độ tu học lì lợm, ngoan cố trong việc học, hành của bốn chúng. Tức là học sai, thiếu được sửa mà không thêm tiếp nhận.

3. Những vị tôn túc, danh Tăng, uyên thâm không tạo điều kiện cho giáo pháp được thuyết giảng, trình bày. Tức là đến đời đó, các vị được xem là tối hậu, là vị thủ kinh cuối cùng trước khi cháy.

4. Những vị tôn túc, danh Tăng, uyên thâm không là tấm gương sáng cho hàng hậu học về lý tưởng xả ly, viễn ly, độc cư, hướng thượng, buông bỏ và giải thoát. Khi các vị ấy có đời sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu thoái đạo, từ bỏ trách nhiệm viễn ly, quần chúng về sau sẽ đi theo tri kiến của họ; quần chúng ấy cũng sẽ trở thành những người hưởng thụ, biếng nhác, thoái đạo, từ bỏ trách nhiệm viễn ly giống như vậy.

5. Khi Tăng chúng chia rẽ, mâu thuẫn, xung đột, chống trái nhau là một điều kiện đưa đến sự biến mất của Chánh pháp ở đời.

Biến mất có nghĩa là lời dạy của Phật người ta không biết đến nữa, chứ còn giá trị lời Phật dạy thì thiên thu. Theo trong Chú giải Trường Bộ, sẽ có một lúc mà một số bộ kinh trong Tam Tạng bị xem nhẹ hay để qua một bên vì đọc vô thấy không thú vị,

không hiểu, một bộ kinh điển có cũng như không, được đem thờ lạy như những bức tượng. Chúng ta thấy rõ điều đó hôm nay.

Riêng tạng Abhidhamma, có rất nhiều học giả, khi nghiên cứu họ thấy không hứng thú, không hiểu sâu bên trong. Từ chỗ chán nản, không hiểu ấy, họ buông ra những câu bất kính, ví dụ như lời ra ở đâu đó những sử liệu, cho rằng Abhidhamma không phải lời Phật, tu hành giải thoát thì mắc gì phải nghiên cứu Abhidhamma... Từ chỗ không thích, không hiểu, đẩy qua một bên.

Giáo pháp, nguyên bộ Tam Tạng giống như hình tam giác, cứ gọt bớt riết thì thành hình thang, đường thẳng dài, đường thẳng ngắn, dấu chấm và bị xóa sổ luôn. Cứ thấy chi tiết nhỏ nhỏ, nhọn nhọn, xóc xóc trong Kinh Tạng mà bỏ dần ra thì sẽ là như vậy.

Trong kinh nói sẽ có một ngày, giáo pháp của Thế Tôn sẽ chỉ được biết đến bằng vài bài kinh kể chuyện xưa. Hôm nay vẫn còn có Kinh, Luật, Abhidhamma, nhưng sẽ có một ngày, trong Chú giải Trường Bộ nói là một ngày nào đó, phần khó là Abhidhamma sẽ bị đẩy qua một bên. Hôm nay đã thấy đúng. Phật tử Việt Nam có bao nhiêu người biết Abhidhamma bộ 1 nói gì, bộ 2 nói gì?

Tạng Luật thì mình nói là cư sĩ không rớ đến, Luật đó của Tăng Ni, người xuất gia. Như vậy tạng Luật, tạng Abhidhamma để qua một bên, còn lại Tạng Kinh. Mà tạng Kinh này, thiếu Abhidhamma thì lấy gì mà hiểu? Ví dụ như những bài chúng ta đang học, thiếu Abhidhamma thì mình còn mò mẫm chút đỉnh được. Những bài kinh có nội dung giáo lý thâm sâu như về Duyên Khởi, Duyên Hệ, 37 Pháp trợ Bồ Đề, những phần này nếu thiếu Abhidhamma thì không thể hiểu được.

Cứ như vậy, 3 tạng mình sơ sơ bỏ đi 2 tạng, còn lại 1 tạng mình hiểu lổm đổm, vậy thì cái gia tài, di sản mà Đức Thế Tôn để lại cho mình, mình còn giữ lại bao nhiêu? Đó chính là con đường mà giáo pháp biến mất ở đời. Bài kinh 156 này cũng là nói đến những điều kiện khiến cho giáo pháp biến mất ở đời.

Nói đến trường hợp diễn ra trong room này. Đức Phật dạy rằng: có những trường hợp được xem là dukkatha, là ác thuyết hay vụng thuyết, vụng nói, là giảng về những đề tài không đúng đối tượng, không đúng chỗ.

Có những đối tượng mà giảng về bổ thí...

Hay kham nhẫn, hay thiền định, trí tuệ là không đúng chỗ, sẽ phản tác dụng. Thay vì giảng có được hảo cảm của người nghe thì họ lại có phản cảm, gây ra sự phản tác dụng.

Trong room này tôi không có chọn đề tài, mà cứ tuần tự giảng. Có hôm có vị nghe nhầm đề tài không thích, vị ấy không muốn nghe nữa. Đó không phải là trách nhiệm của chúng tôi.

Trường hợp này mới là trách nhiệm: ở nơi có giảng sư và một vài vị ngồi nghe, nếu không chọn lọc đúng đề tài phù hợp, buổi nói chuyện đó vô nghĩa, vô ích.

Đức Thế Tôn xác nhận là có những trường hợp mà đề tài thuyết giảng bị xem là không đúng chỗ, là dukkatha. Người thiếu niềm tin, thiếu giới, lười học giáo lý mà mình nói nhiều về niềm tin, giới, giáo lý, họ bị sốc.

Tôi có thấy rồi. Họ nghe mình giảng mà trích dẫn vài chữ Pali là họ đã khó chịu, nói là người Việt Nam mắc gì viết mấy cái chữ Pali, không hiểu, không nhớ. Trong khi lại có những người họ hỏi chỗ này, chỗ kia, tiếng Pali là gì, họ muốn biết thêm. Có người chỉ muốn nghe cái gì đơn giản, vừa với não trạng của họ.

Phật dạy có những người mà nói nhiều về niềm tin, tín ngưỡng họ không chịu được. Nên người thuyết pháp, dạy học phải lưu ý chỗ này.

Có người đến với Đạo bằng trí tuệ thì dắt họ vào bằng cửa trí tuệ sẽ hợp. Có người thích cột chỉ ngũ sắc vào tay, tặng tượng Phật, đồ rảy nước, rải gạo, đậu, dùi vật này vật kia cho hợp phong thủy, hỏi sơ về ngày sanh tháng đẻ của vợ chồng, giảng Đạo,

kêu bố thí, niệm Phật, tặng tượng Phật thỉnh từ Thái, đeo vô linh lắm, đạn bản không trúng...

Tức là có những người đến với Đạo bằng niềm tin. Có người đến với Đạo mà nói mấy chuyện mầu nhiệm huyền bí là họ không chịu, họ nói là mê tín, mà họ muốn nghe vấn đề hơi lý trí một tí.

Có người mình nói về bố thí thì họ bị sốc vì tiếc tiền, họ kỵ bố thí. “Bà xã tui không biết sao mới có sáu tháng mà cúng dường cái gì, in kinh với Kathina hết hai mươi triệu, hao quá mà chưa biết Đạo này hay chỗ nào.”

Nhiều người nghe bố thí thì thích vì dễ làm, không cần nghiên cứu suy tư sâu xa khó khăn gì, chỉ cần chi tiền ra là công đức bằng trời.

Có người thích bố thí, tụng niệm, đeo tượng, lần chuỗi, đeo dây ngũ sắc, đi hành hương, đi núi này rừng kia, chùa tháp nọ... Tùy vào khuynh hướng, trình độ mỗi người mà họ có cái thích khác nhau và vị hoằng pháp phải lưu ý.

Không phải cái gì mà người ta không thích thì mình đẩy qua một bên, đời đời họ không biết đến, nếu đó là chuyện cần thiết. Nên trong Kinh dạy cho mình bốn điều: có những cái đắng phải nuốt, có những cái đắng phải nhả; có những cái ngọt phải nuốt, có những cái ngọt phải nhả.

Hai trường hợp kia thì dễ hiểu, còn cái đắng phải nuốt vào và cái ngọt phải nhả ra là sao? Là có vấn đề giáo lý nghe sốc nhưng phải nuốt vào.

Ví dụ mình đẹp lòng lấy mà bắt mình quán thể trước, cái chết, tử thi... nhưng nếu là Phật tử thì phải học, vì sẽ có một ngày mình sẽ không còn đẹp mà già nua, lưng còng, má hóp, tử thi giống như vậy. Sẽ có ngày đồng tiền không còn tác dụng, tình cảm gia đình xã hội, quyền lực không còn giá trị.

Hôm nay mình phải học Đạo chuẩn bị cho ngày đen tối mờ mịt ấy, cái đắng phải nuốt vào. Giáo Pháp và sự thật ở đời cũng phải vậy. Có cái không cần thiết mà dễ tiếp thu,

khó tiếp thu. Trong cái cần thiết ấy, có hai, là dễ gặm và khó gặm. Cái khó gặm ấy, có khi phải ráng mà tiếp thu.

Bài Kinh này Ngài chỉ cho mình biết rằng có những kinh nghiệm thất bại đau thương của người truyền Đạo do không quan tâm đến khuynh hướng tâm lý của người nghe giảng. Có khi chưa gì hết mà mình nói quá nhiều về bổ thí, thiền định, giới luật, giáo lý thì họ bỏ chạy mất. Đừng trách chúng sanh thiếu duyên, mà tại mình trước. Mình không quan sát thị hiếu của quần chúng, cung cầu chỏi nhau.

Xin nhắc lại: xem Kinh phải hiểu Kinh. Chuyện đầu tiên Ngài nói rằng mình hoằng Pháp thì phải chú ý đến đối tượng nghe, coi nói đề tài gì là thích hợp.

Thứ hai là phải hiểu, trên đời có những thứ đắng phải nuốt, có thứ ngọt phải nhả ra. Chứ đừng đọc Kinh chỉ một chiều. Cái đại kỵ nhất là một chiều, cả đời chỉ biết lẽ phải, không biết lẽ trái, chỉ biết một hướng chứ không biết phản biện về các mặt. Nhiều khi ngồi trong phòng vẽ vời ra những lý thuyết đường hướng nhưng khi vào thực tế thì trật lất. Đó là bi kịch.

Kinh về Tôn giả Udayi

Đệ tử thời Phật có ít nhất hai vị tên Udayi. Một vị chuyên gây rối, phạm luật. Một vị thứ hai là Kaludayi, là vị đệ nhất về khả năng dàn xếp cư sĩ. Nhiều Kinh chỉ gọi chung là Udayi. Trong chú giải mới nói rõ Kinh nào nói về vị Udayi nào. Nếu không là dễ lẫn lộn. Kinh này nói về vị Udayi gây ra phiền phức.

Lần đó Ngài Anan thấy Ngài Udayi thuyết Pháp có đông người nghe.

Vị Udayi này gây ra nhiều phiền phức cho Tăng đoàn và thậm chí có khi còn coi thường Ngài Sariputta, sẽ nói trong chương sau, chương Sáu Pháp.

Khi Ngài Anan thấy Ngài Udayi thuyết Pháp xong, từ bên hội trường Ngài sang phòng Đức Phật thưa một cách chân thành, hồn nhiên, không có ý gì, rằng thầy Udayi đang thuyết Pháp.

Đức Thế Tôn xét thấy là nhân duyên để nói về một chuyện mà các pháp sư, giảng sư đời sau phải lấy làm điều tâm niệm. Trí Đức Phật rất đặc biệt. Cũng là một chuyện mà có khi trong hoàn cảnh ngặt nghèo đó Ngài nói, có khi Ngài lại không nói. Vì Ngài xét nhiều mặt: đối tượng người nghe; kể nữa là có khi hôm đó không nói thì phải chờ rất lâu mới có dịp để nói hoặc không còn cơ hội để nói, mà điều đó rất cần thiết.

Điều này thuộc về Phật trí của vị Chánh Đẳng Giác. Trong Kinh nói như vậy.

Đức Phật thấy rằng hôm đó là cơ hội rất tốt để nhắn nhủ đến các thế hệ giảng sư, pháp sư đời sau. Ngài nói:

“Này Anan, chuyện làm giảng sư thuyết Pháp cho người khác không dễ như nhiều người nghĩ.”

Vị pháp sư, giảng sư cần phải tâm niệm năm điều:

1. Thuyết Pháp theo thứ lớp, không ngẫu hứng nhảy cóc, không theo thứ tự.
2. Thuyết Pháp dựa trên căn bản giáo lý, không tùy hứng mà thuyết.
3. Thuyết Pháp với tâm từ mẫn.

Là tâm bi, chứ không vì một lý do nào khác. Tiếng Pali là...

Thuyết Pháp dựa trên căn bản giáo lý, nhân quả. Ví dụ hôm nay nói về Tứ Niệm Xứ thì ý nghĩa từng niệm xứ là gì, cách hành trì ra sao, tại sao phải làm như vậy. Tu Tứ Niệm Xứ, làm như vậy như vậy sẽ được, bị như vậy như vậy. Phải đối chiếu nguyên tắc nhân quả ở đây.

Nhân quả ở đây không phải là nghiệp báo, mà là “nếu... thì...”, dựa vào nền tảng từ giáo lý. Những gì Đức Phật trình bày đều có nhân quả rất là chặt chẽ, chín chu.

Dạ, cho con nói cái này... Sư đọc tiếng Pali nhưng có lẽ cách phát âm không giống với các vị Phạm Thiên ạ...

mà giống cách phát âm của dục giới, nghe nặng lắm ạ...

Thuyết pháp với tâm từ. Những chúng sanh này đang bị khổ não, giam cầm trong phiền não cõi sinh tử. Mong sao với thời pháp này sẽ giúp họ tháo gỡ những vấn đề phiền não, rồi rảnh tâm tư, được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

4. Thuyết pháp không vì mục đích vật chất, lợi lộc

Trong Chánh Tạng, Kinh Tăng Chi có một chỗ giải thích thế này: vị giảng sư, pháp sư, vị thuyết pháp chân chánh, không bao giờ thuyết pháp với tâm niệm rằng: “Ta sẽ nói cho họ vui thì họ sẽ làm cái gì đó cho ta vui.”

5. Thuyết pháp không gây tổn thương cho ai

Có khi mình giảng giáo lý, nói lời từ bi nhưng trong tâm có ác ý muốn ám chỉ ngầm, công kích, dè bida, đánh phá một đối tượng nào đó. Như vậy không phải là tâm niệm cần có ở một vị pháp sư chân chánh. Cái này rất quan trọng.

Vị pháp sư chân chánh chỉ nhắm đến hai điều:

Một, nói sao cho đúng pháp, lời Phật.

Hai, nhắm đến lợi lạc của người nghe.

Không nói vì tham, mong lợi lạc cá nhân. Không nói vì sân, nói cho thỏa thù hận cá nhân, ghen tức, công kích, dè bida, đê hèn. Trong đạo là vậy, ngoài đời cũng phải vậy. Nhà văn, nhà báo cũng nên tránh dùng lời văn công kích người khác; chỉ nên góp ý trong tinh thần hợp tác, trao đổi.